

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 11 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Điền

2. Bà Vũ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp Bung Xúc, xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lin, sinh năm 1968; địa chỉ: Đai Loan (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Lin tự nguyện đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp vào ngày 19 tháng 11 năm 2004. Sau khi kết hôn chị T và anh Lin chung sống với nhau khoảng 04 ngày. Đến tháng 12 năm 2004, chị T sang Đai Loan chung sống với anh Lin. Trong quá trình chung sống chị T và anh Lin thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Lin hay đánh đập chị T và con nên ngày 19/01/2016, chị T và con về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lin. Về con chung: Chị T xác định có 01 người con chung tên Szu, sinh ngày 14/7/2007, hiện cháu Szu đang sống với chị T, chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lin, từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh Lin nêu ý kiến của mình với Tòa án về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung giữa anh và chị T, nhưng cho đến nay anh Lin không trả lời những câu hỏi theo yêu cầu của Tòa án. Theo quy định của pháp luật Việt Nam yêu cầu xin ly hôn của chị T được tiến hành giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản Điều 51, 56, 81, 121, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lin. Về con chung: giao cháu Szu, sinh ngày 14/7/2007 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Lin có quyền thăm con không ai được cản trở, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu tranh luận của đương sự, Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lin có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) và đang cư trú tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử đối với anh Lin theo quy định của pháp luật nhưng anh Lin cũng không về Việt Nam tham gia phiên họp hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Lin và chị Nguyễn Thị T.

[3] Xét yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Lin tự nguyện đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu vào ngày 19 tháng 11 năm 2004. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh Lin là

hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Lin và chị T chung sống với nhau được thời gian dài nhưng cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chị T đã bỏ về Việt Nam sinh sống từ năm năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, giữa chị T và anh Lin không chung sống với nhau nên tình cảm vợ chồng không gắn bó; không còn liên lạc với nhau, khả năng vợ chồng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Lin.

[4] Trong quá trình chung sống chị T xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Szu, sinh ngày 14/7/2007, hiện cháu Szu đang sống với chị T, chị T yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Tại văn bản nêu ý kiến ngày 14/11/2018 nộp cho Tòa án cháu Szu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị T. Xét thấy, hiện tại cháu Szu đang chung sống với chị T nên có căn cứ tiếp tục giao cháu Szu cho chị T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lin.

Xử cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 được ly hôn với anh Lin, sinh năm 1973.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Szu, sinh ngày 14/7/2007 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí, lệ phí:

4.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009548 ngày 21 tháng 6 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4.2 Lệ phí ủy thác tư pháp chị Nguyễn Thị T phải chịu 400.000 đồng, chị T đã nộp lệ phí ủy thác 400.000 đồng theo các Biên lai thu số 0000696 ngày 04 tháng 7 năm 2017 và Biên lai thu số 0001198 ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu, chị T đã nộp xong.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh Lin có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- UBND tp. Bạc Liêu (01 bản);
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều

